

Số: 4166 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2023-2024
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ II năm học 2023-2024 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

- | | | |
|---|------------|-------|
| 1. Tổng số tiền thanh toán: | 68.326.000 | đồng |
| 2. Trừ số chia thừa năm/kỳ trước: | 4.101.000 | đồng |
| 3. Tổng số chi đợt này: | 64.225.000 | đồng |
| a) Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: | 62.875.000 | đồng |
| b) Số tiền giảng dạy sau đại học: | 1.350.000 | đồng. |

Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Thị Lan



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số **4166** /QĐ-HVN ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận/ Chi thừa* (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TG846	Đồng Văn	Quyền			22.5	2,700,000	22.5	2,700,000	1,350,000	1,350,000	
2	MG392	Nguyễn Văn	Thành	686.8	48,076,000			686.8	48,076,000	2,751,000	45,325,000	
3	TG488	Vũ Như	Quán	234.0	17,550,000			234.0	17,550,000		17,550,000	
		Tổng cộng		920.8	65,626,000	22.5	2,700,000	943.3	68,326,000	4,101,000	64,225,000	

*** Số Đã nhận/Chi thừa: Do kỳ I năm học 2023-2024 tính nhầm đơn giá thanh toán**

Tổng số tiền thanh toán: 64,225,000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng./.



BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (Bổ sung lần 1)

(Kèm theo Quyết định số 4166 /QĐ-HVN ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận/ Chi thừa (đồng)*	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	TG846	Đồng Văn	Quyển	GVCC và TĐ	96/HĐTG-HVN-CNVS	10/01/2024	NCS	NCS	HPTS	Học phần tiến sĩ				22.50	120,000	2,700,000	22.50	2,700,000	1,350,000	1,350,000	
2	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K64TYA	TY03018	Bệnh chó, mèo	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000	560,000		
3	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	LT	K64TYB	TY03018	Bệnh chó, mèo	22.00	70,000	1,540,000				22.00	1,540,000	1,540,000		
4	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K64TYB	TY03018	Bệnh chó, mèo	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000	560,000		
5	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	GK	K64TYB	TY03018	Bệnh chó, mèo	2.00	70,000	140,000				2.00	140,000	91,000	49,000	
6	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	CB	K64TYB	TY03018	Bệnh chó, mèo	4.90	70,000	343,000				4.90	343,000		343,000	
7	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K64TYD	TY03018	Bệnh chó, mèo	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
8	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K64TYE	TY03018	Bệnh chó, mèo	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
9	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K65TYB	TY03010	Sinh sản gia súc 2	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
10	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K65TYD	TY03010	Sinh sản gia súc 2	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
11	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K65TYE	TY03010	Sinh sản gia súc 2	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
12	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K65TYG	TY03010	Sinh sản gia súc 2	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
13	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	GT	K66TY	TY03045	Thực tập giáo trình Ngoại sản	454.70	70,000	31,829,000				454.70	31,829,000		31,829,000	
14	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYA	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
15	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYB	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
16	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYB	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
17	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYC	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
18	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYC	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
19	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYD	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
20	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	LT	K66TYD	TY03053	Sinh sản gia súc 1	22.60	70,000	1,582,000				22.60	1,582,000		1,582,000	
21	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYD	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
22	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	GK	K66TYD	TY03053	Sinh sản gia súc 1	3.60	70,000	252,000				3.60	252,000		252,000	
23	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TĐ	92/HĐTG-HVN-TY	15/01/2024	CB	K66TYD	TY03053	Sinh sản gia súc 1	9.00	70,000	630,000				9.00	630,000		630,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Đã nhận/ Chi thừa (đồng)*	Còn lại (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)					
24	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYE	TY03053	Sinh sản gia súc 1	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
25	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYH	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
26	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K67CNTYA	TY03069	Bệnh sinh sản động vật	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
27	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K67CNTYB	TY03069	Bệnh sinh sản động vật	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
28	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K67CNTYB	TY03069	Bệnh sinh sản động vật	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
29	MG392	Nguyễn Văn	Thành	GV và TD	92/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K67CNTYB	TY03069	Bệnh sinh sản động vật	8.00	70,000	560,000				8.00	560,000		560,000	
30	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	LT	K66TYA	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	45.50	75,000	3,412,500				45.50	3,412,500		3,412,500	
31	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	GK	K66TYA	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	4.30	75,000	322,500				4.30	322,500		322,500	
32	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	CB	K66TYA	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	10.80	75,000	810,000				10.80	810,000		810,000	
33	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	LT	K66TYB	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	41.20	75,000	3,090,000				41.20	3,090,000		3,090,000	
34	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	GK	K66TYB	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	3.90	75,000	292,500				3.90	292,500		292,500	
35	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	CB	K66TYB	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	9.80	75,000	735,000				9.80	735,000		735,000	
36	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	LT	K66TYC	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	44.90	75,000	3,367,500				44.90	3,367,500		3,367,500	
37	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	GK	K66TYC	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	4.30	75,000	322,500				4.30	322,500		322,500	
38	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	CB	K66TYC	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	10.60	75,000	795,000				10.60	795,000		795,000	
39	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	LT	K66TYD	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	38.10	75,000	2,857,500				38.10	2,857,500		2,857,500	
40	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	TH	K66TYD	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000		600,000	
41	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	GK	K66TYD	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	3.60	75,000	270,000				3.60	270,000		270,000	
42	TG488	Vũ Như	Quán	GVC và TD	93/HĐTĐ-HVN-TY	15/01/2024	CB	K66TYD	TY03008	Bệnh ngoại khoa thú y	9.00	75,000	675,000				9.00	675,000		675,000	
		Tổng cộng									920.80		65,626,000	22.50		2,700,000	943.30	68,326,000	4,101,000	64,225,000	

Tổng số tiền thanh toán: 64,225,000 đồng

Bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu hai trăm hai mươi lăm ngàn đồng./.

* Số Đã nhận/Chi thừa: Do kỳ I năm học 2023-2024 tính nhằm đơn giá thanh toán